

Cảm nhận về đời sống của người trí thức qua một cuộc khảo sát về kinh tế xã hội bốn quận nội thành Hà Nội

VŨ PHẠM NGUYỄN THANH

Trong bài viết này, các số liệu phân tích sẽ được sử dụng hết sức hạn chế. Vì đó là số liệu rút ra từ một cuộc khảo sát chung, (Khảo sát thực trạng kinh tế - xã hội bốn quận nội thành Hà Nội, tháng 5 năm 1992), không dành riêng cho trí thức. Do tính chất phức tạp của một khái niệm chưa có sự nhất trí trong giới chuyên môn, chúng tôi tạm thời xem xét những vấn đề liên quan đến giới trí thức chỉ đối với những hộ gia đình mà cả 2 vợ chồng là những người có trình độ học vấn từ Đại học trở lên. Tất cả có 127 hộ gia đình, trên tổng số chung của mẫu khảo sát là 809, chiếm tỷ lệ 15,7% chia thành 4 lĩnh vực nghề nghiệp chủ yếu :

- Cán bộ quản lý: 57 người, chiếm 44,9% gồm các giám đốc, phó giám đốc, các hiệu trưởng, hiệu phó, chủ nhiệm công ty... của nhiều cơ quan khác nhau.

- Cán bộ giảng dạy: 33 người, chiếm 26% gồm các giáo sư, giáo viên giảng dạy ở các bậc đại học, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục tương đương.

- Cán bộ nghiên cứu khoa học, cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội: 33 người chiếm 26%, làm việc ở các Viện nghiên cứu, các liên hiệp khoa học sản xuất, các Viện nghiên cứu trực thuộc các Bộ.

- Văn nghệ sĩ, họa sĩ là nhóm ít nhất, chỉ gồm 4 người, chiếm 3,1%.

Nếu chỉ nhìn vào những chỉ báo nổi (về điều kiện nhà ở, tiện nghi sinh hoạt...) mà cuộc khảo sát đã dùng để đo điều kiện sống của các tầng lớp xã hội khác nói chung thì có thể thấy rằng, *về cơ bản mức sống của các gia đình trí thức không thấp hơn nhiều so với các hộ gia đình có thu nhập cao.* Tuy nhiên, khi đi sâu phân tích một số chỉ báo khác (thu nhập, chi tiêu, các phương thức sinh hoạt văn hóa ...) thì mức sống thực chất của các gia đình này thấp hơn.

1. Trước hết về sở hữu nhà và tiện nghi sinh hoạt.

Loại nhà ở và các trang bị vật chất là dấu hiệu đáng tin cậy về giá trị tài sản của mỗi gia đình. Phổ biến trong các loại nhà ở của trí thức là nhà thuê của Sở Nhà đất (37,8% số hộ gia đình được ở nhà do cơ quan công tác phân phối chỉ chiếm 13,4%. ở đây nguồn gốc xuất thân và thời điểm đến cư trú ở Hà Nội đóng một vai trò đáng kể trong khả năng có được một nơi ở riêng 26% hộ có nhà tự do ông bà, bố mẹ để lại, và 8,7% gia đình mua nhà từ trước 1985. Có 7,9% các gia đình mua được nhà sau 1985. Tìm hiểu nguồn gốc thu nhập

để có thể có được những ngôi nhà diện tích không dưới 45 m² với những trang bị tương đối tiện nghi chúng tôi thấy như sau:

- 5 gia đình có chồng (hoặc vợ) đang sống ở nước ngoài (Ba Lan, Hung Pháp, Đức. . .).
- 2 gia đình mà cả 2 vợ chồng là giáo viên dạy Toán, Văn và Anh ngữ ở cấp III. Thu nhập dầy thêm của 2 gia đình này trung bình gấp từ 4 đến 6 lần so với lương, đặc biệt cao hơn nhiều vào các mùa thi.
- 1 gia đình có vợ và chồng là cán bộ của Ngân hàng Ngoại thương và Ngân hàng Trung ương.
- 1 gia đình mà người chồng là thủy thủ tàu viễn dương, Công ty vận tải đường biển.
- 1 gia đình là kỹ sư thiết kế và thi công Viện Quy hoạch đô thị.

Các gia đình có may mắn được sống trong các ngôi nhà (hoặc căn hộ) có 2 - 3 phòng đều chủ yếu là nhà tư cũ hoặc nhà họ tự xây, tự mua. Các gia đình thuê nhà của Sở Nhà đất thường sống trong các nhà có 1 phòng (một số ít có 2 phòng), gần 100% các gia đình ở nhà do cơ quan phân phối đều chỉ có 1 phòng, 100% các gia đình mà 2 vợ chồng là giáo viên trung học đều không được chọn phối nhà. Tương ứng với câu hỏi đánh giá về các chính sách của Nhà nước trong thời gian gần đây. 100% số người này đều nói là chính sách nhà ở của nhà nước nói chung và trí thức sư phạm - giáo dục nói riêng là bất công và vô lý.

Việc phải sống trong căn nhà chỉ có 1 phòng đối với mọi nhóm xã hội, mọi nghề nghiệp đều là một sự chịu đựng. Nó phản ánh một điều kiện sống thấp kém, một sự chung đụng vừa thiếu vệ sinh, vừa ít thẩm mỹ (một nơi ở vừa là phòng ngủ - phòng ăn - làm việc, đôi khi cả bếp nữa), ảnh hưởng đến sức khỏe vật chất và sức khỏe tinh thần của tất cả mọi thành viên trong gia đình. Đối với tầng lớp trí thức, điều này còn là sự chịu đựng đặc biệt trầm trọng hơn. Khoảng không gian riêng biệt và yên tĩnh đối với tính chất công việc của người lao động trí óc không chỉ đơn thuần là một không gian nghỉ ngơi và thư giãn, nó còn là điều kiện cần thiết cho sự tiếp tục suy ngẫm và hoàn thiện các công việc mà thường khi họ không thể nào kết thúc được sau một ngày làm việc ở công sở. Không phải ngẫu nhiên mà việc thu xếp để có được một góc riêng trong nhà ở - nơi có bàn viết, giá sách và những vật trang trí theo sở thích đã trở thành niềm ao ước của không ít trí thức ở Hà nội.

Các số liệu của cuộc khảo sát cũng cho thấy đa số các gia đình có mức sống từ trung bình trở lên đều đã có những tiện nghi sinh hoạt cơ bản (chỉ còn 7,9% hộ không có tivi, 18,9% hộ không có tủ lạnh, và 25,2% hộ không có xe máy). Và xu hướng trang bị những đồ dùng sinh hoạt trong nhà ở và trong khu vực phụ đã biểu hiện mục đích sử dụng cao. Họ ít nghĩ đến việc sắm sửa các đồ dùng đắt tiền hay vượt quá nhu cầu thực tế chỉ phô trương hình thức (70,1% không có video, 88,2% không có dàn âm thanh hiện đại, 74,8% không có máy giặt, 78% không có bộ xa lông bọc đệm). Điều này khác với các hộ thị dân giàu, mua đủ tất cả các tiện nghi hiện đại, mà ít có sự lựa chọn. Nhiều gia đình trí thức có thu nhập khá đã mua cho con đàn Piano, đàn Oocgan thay vì mua Video với giá trị tương đương. Không ít gia đình có những tủ sách đẹp và giá trị.

2. Về phương thức chi tiêu và thu nhập.

Nếu lấy nguyên tắc phân phối theo lao động là đặc trưng của chế độ chúng ta thì lao động phức tạp và có trình độ cao phải được thù lao tốt hơn. Theo ý nghĩa đó *nếu mức thu nhập bình quân của trí thức* và qua đó mức sống và các điều kiện sinh hoạt vật chất của họ *cao hơn* các tầng lớp khác trong xã hội thì cũng là *điều bình thường*. Tuy nhiên ở Hà

Nội hiện nay, sự chênh lệch đó là không đáng kể, nó thấp hơn và chứa đựng những nhân tố bất hợp lý. Theo số liệu của cuộc khảo sát, 41,7 % số hộ có mức thu nhập bình quân là 100 ngàn đồng/tháng và 26,8% có mức thu từ 101 đến 150 ngàn đồng/tháng, tức là đã có đến 68,5% hộ có mức thu nhập trong khoảng từ 100 đến 150 ngàn đồng/tháng. So với thực giá hiện nay, mức thu nhập này là thấp, phải khéo thu xếp lắm mới tạm đủ cho 3 bữa ăn xoàng xĩnh trong ngày, chưa nói gì đến việc chi tiêu, mua sắm cho bất cứ một nhu cầu nào khác. Việc mỗi gia đình trí thức nuôi được 2 đứa con ăn học đã hoàn toàn không phải là việc dễ. Chỉ tạm tính 2 khoản chi tiêu phổ biến:

+ Đối với các gia đình có trẻ nhỏ.

30,3% số người gửi con từ 25 đến 45 ngàn đồng/tháng

39,4% số người gửi con từ 50 ngàn đồng/tháng

24,1% số người gửi con từ 50 đến 60 ngàn đồng/tháng.

6,2% số người gửi con từ 60 đến 100 ngàn đồng/tháng.

+ Các gia đình có trẻ lớn thì đóng tiền học thêm.

37,17% đồng tiền học cho con từ 20 ngàn đồng/tháng trở xuống.

38,9% đồng tiền học cho con từ 20 - 50 ngàn đồng/tháng.

23,4% đồng tiền học cho con từ 60 - 100 ngàn đồng/tháng.

Như vậy, các gia đình có học vấn từ Đại học trở lên cũng không vượt ra khỏi nỗi lo chung của đa số các nhóm khác trong xã hội là bữa ăn hàng ngày, sau đó là việc học của con cái.

Trong khuôn khổ của mức thu nhập eo hẹp như hiện nay, việc các gia đình trí thức còn *duy trì được những chỉ tiêu cho nhu cầu phát triển của con cái* (mua sách báo, truyện, đi xem phim, xiếc, học nhạc, vẽ...) và *các sinh hoạt văn hóa khác của gia đình* (gặp gỡ bạn bè và thầy cô giáo cũ, kỷ niệm ngày cưới, mừng thọ ông bà, và tặng quà cho những người làm ơn cho gia đình như các bác sĩ...) là một cố gắng hoàn toàn không nhỏ. 100/127 gia đình thường xuyên mua sách báo, truyện; 64/127 gia đình thường xuyên cho con đi xem phim, xiếc; 96/127 gia đình thường xuyên tổ chức kỷ niệm những ngày vui. Tuy mức chi phí cho những sinh hoạt này còn ít, nhưng tính chất tao nhã của nó đã góp phần gìn giữ và tái tạo một cuộc sống văn hóa, tạo nên bầu không khí cần thiết nuôi dưỡng sức khỏe tinh thần cho mỗi thành viên trong gia đình.

Bây giờ hãy xem các gia đình trí thức tìm cách tăng thu nhập của họ như thế nào? Có thể thấy rõ là một số người có sự tăng thu nhập tự nhiên - do được làm trong các ngành du lịch, ngoại thương, hàng không, bưu điện, các công ty xây dựng và đầu tư, các công ty buôn bán hàng tiêu dùng cao cấp, các công sở có liên quan đến người nước ngoài hoặc bản thân họ được đi nước ngoài. Một số khác, khi so sánh với mức sống đang lên thì đồng lương thực tế đã giảm - đa số trong những hộ này là các giáo viên (dạy những môn không cơ bản), các nhân viên thư viện, bảo tàng. . . Trong tổng số 127 hộ được khảo sát, tỷ lệ các gia đình phải làm thêm và không phải làm thêm, thì có một số là không phải làm thêm (những người nhắc ở phần trên). Số còn lại là không thể làm thêm (hoặc do nghề nghiệp không phù hợp, hoặc không có dư vốn, hoặc chỗ ở bất tiện cho một kinh doanh dù rất nhỏ). Có 48% hộ gia đình thường xuyên phải làm thêm để sống, với mức thu nhập được từ 30 ngàn đến 200 - 300 ngàn/tháng tùy theo công việc mà họ lựa chọn (từ đan len, may cắt quần áo, bỏ mối hàng, rửa xe đến chụp ảnh, dạy thêm, dịch sách, thực hiện các hợp đồng khoa học...). Họ

phải làm các nghề có thể làm được, không quản sang hèn, bất chấp cả việc không phù hợp với chuyên môn. Phải chăng, cơ chế thị trường đã cho phép người lao động trí óc tạm thời quên đi chữ *sĩ* trong mọi ngã đường mưu sinh? Và dư luận cũng đi từ thái độ bức bối, khinh rẻ đến chỗ thông cảm, tha thứ và chấp nhận hình ảnh một cô giáo bán xôi, bán ô mai trong trường học hay một bác sĩ, một nhà nghiên cứu bán cà phê, rửa xe máy, hay đi bỏ mồi hàng... So với những người này thì những giáo viên được dạy thêm rõ ràng là may mắn hơn nhiều. Cơ hội đối với người trí thức sư phạm cũng đã không hoàn toàn ngang nhau. Chỉ có các giáo viên dạy các môn cơ bản (Toán, Văn, Anh ngữ...) mới có khả năng mở lớp. Nhưng cả họ cũng như các đồng nghiệp khác đều bày tỏ thái độ bất đắc dĩ đối với việc dạy thêm của mình. Có lẽ vì trong sâu xa của ý thức, làm việc chỉ để kiếm tiền - dù được nhiều tiền - đã không phải là mục tiêu của người trí thức? Nhiều giáo viên tiếng Nga tỏ vẻ thất vọng vì tương lai của mình. Họ không có học trò ở trường (dù trường vẫn tuyển sinh, nhưng các em không thích học cũng không có học trò ở nhà. Vấn đề số một trong nền kinh tế nước ta là sự cách ly giữa khoa học kỹ thuật và kinh tế. Nhiều nhà khoa học (nhất là khoa học cơ bản) không có môi trường giao tiếp, xa rời những đánh giá, sự ủng hộ và tôn trọng của đồng nghiệp là những thứ rất cần cho công việc của họ, cho vị trí và uy tín xã hội của họ. Đối với những trí thức này, liệu chúng ta có thể nói gì đến những sinh hoạt văn hóa được nữa không? Những sinh hoạt mà tất yếu phải được diễn ra trong thời gian rỗi. Và chỉ khi nào có thời gian rỗi chúng ta mới nói đến việc đo đếm mức độ và thể loại sinh hoạt văn hóa của lớp người này.

Đặt vấn đề làm thêm đối với người trí thức - điều đó hoàn toàn không có nghĩa là người trí thức cần phải "cao siêu", "quí phái" trong cả cách kiếm tiền. Nhưng học vấn của người trí thức không phải là tài sản riêng của họ. Nó phải được Nhà nước tập trung sử dụng một cách công bằng và có hiệu quả. Ai cũng thấy rõ, người trí thức từ bỏ nghề nghiệp của mình để sống bằng một nghề khác, không đơn giản chỉ là sự bất hợp lý trong sự phân công lao động xã hội. Việc chất xám của họ bị phân tán, dù dưới bất kỳ dạng nào cũng là lãng phí và có ảnh hưởng xấu đến đời sống tinh thần của họ, cả trước mắt cũng như lâu dài.

Tóm lại, mọi sự năng động tích cực để mưu sinh và thịnh vượng đều đáng được khuyến khích. Tuy vậy hình ảnh một người trí thức phải vật lộn làm đủ mọi nghề để kiếm sống hàng ngày - dù thế nào, cũng không phải là mong muốn của xã hội chúng ta

3. Về tâm trạng và những dự định của người trí thức

a) Người trí thức tham gia vào hoạt động của cộng đồng với tất cả những âu lo, nỗi niềm và khó khăn riêng của họ.

Điều này có thể phân nào được giải thích, được đo bằng những phản ứng của họ đối với các chủ trương, chính sách của Nhà nước và thái độ của họ đối với các hiện tượng, các xung đột xã hội.

Đánh giá của các hộ gia đình có học vấn từ Đại học trở lên đối với 5 loại chính sách mà trung ương và thành phố đã đề ra trong những năm gần đây cho thấy, người trí thức gần gũi hơn, tâm đắc hơn với các chính sách xã hội, họ ít quan tâm đến các chính sách kinh tế.

Đối với chính sách "phát triển kinh tế nhiều thành phần..." và chính sách "tổ chức lại sản xuất, tinh giảm biên chế, kết quả các đánh giá như sau:

	Ảnh hưởng tốt	Ảnh hưởng xấu	Không ảnh hưởng đáng kể	Khó trả lời
+ Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần	53,5	5,5	37,0	3,9
+ Chính sách tổ chức lại sản xuất, tinh giảm biên chế	17,3	15,7	59,1	7,9

Gần 41% người không cảm thấy ảnh hưởng gì đáng kể và khó trả lời về mức độ ảnh hưởng (với chính sách phát triển kinh tế) và 67% (với chính sách tinh giảm biên chế) đã cho thấy rõ ràng là loại các chính sách kinh tế ít liên quan đến sự thăng trầm của gia đình trí thức, các chính sách này chủ yếu có tác động đến các tầng lớp kinh doanh và các đối tượng làm việc trong khu vực sản xuất trực tiếp. Khi chỉ có ý niệm mơ hồ, chứ không phải sự thấu hiểu hay gắn bó sâu xa với tác dụng của các loại chính sách này thì ngay cả các đánh giá mang tính chất khẳng định (53,5% đánh giá tốt đối với chính sách phát triển kinh tế, và 17,3% đối với chính sách tổ chức lại sản xuất cũng không có độ tin cậy cao.

Đối với nhóm các chính sách mang tính chất xã hội, vấn đề có khác hơn. Các kết quả thu được cho thấy:

	Tốt	Xấu	Không ảnh hưởng gì đáng kể	Khó trả lời
+ Chính sách bảo đảm xã hội	29,4	22,2	42,1	6,3
+ Chính sách bảo đảm trật tự trị an	41,7	9,4	44,1	4,7
+ Chính sách nhà ở	34,6	17,3	40,2	7,9

Mặc dù các chính sách xã hội có liên quan gần gũi hơn đối với các gia đình trí thức, nhưng *tỷ lệ các ý kiến đánh giá "không ảnh hưởng gì đáng kể" và "khó trả lời" vẫn là cao* (48,4% đối với chính sách bảo đảm xã hội, 48,81% với chính sách trật tự trị an, 48,1% với chính sách nhà ở).

Bằng hình thức bên ngoài, các đổi mới về y tế và giáo dục đã đem lại cảm giác về sự dễ dàng trong việc khám chữa bệnh, trong các cơ hội học tập, giao tiếp. Nhưng cùng với cảm giác đó, chúng ta đã bắt đầu phải lo lắng về hiện tượng giáo dục có chiều xuống cấp, nội dung và phương pháp giảng dạy ít tính thiết thực, qui chế đào tạo mới không tỏ rõ được ưu thế mới, với đủ thứ trường đủ thứ bằng cấp, hậu quả là số trẻ em chán học, bỏ học tăng lên, vai trò và uy tín của người thầy giảm sút, việc tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp trở

nên gay gắt... Việc dạy thêm chỉ là sự cứu trợ trước mắt đối với thu nhập quá thấp của ngành giáo dục nhưng lại trút lên đầu cha mẹ học sinh những âu lo mới (các khoản tiền đóng cho con học thêm, thời gian học của trẻ quá căng thẳng...). Nên chăng Chính phủ cần kiên quyết tập trung kinh phí đầu tư vào cấp tiểu học thay vì cần dàn trải cho cả 3 cấp như hiện nay? Bởi vì bậc tiểu học có trách nhiệm lớn là làm cho đứa trẻ ham thích học hành, có kiến thức và tôn trọng tri thức. Điều đó quyết định chất lượng của bậc trung học và đại học, mà kinh phí có thể dựa vào sự đầu tư của tư nhân và sự kích thích của bản thân nền kinh tế. Còn trong lĩnh vực y tế, khả năng không kiểm soát được các hoạt động y tế đã dẫn đến việc bệnh viện không có bệnh nhân, còn người nghèo thì không có chỗ chữa bệnh, các phòng mạch tư lan tràn, các tiệm thuốc mọc lên như nấm. Người ta có thể mua bán bằng cấp bác sĩ, dược sĩ để các "bác sĩ chui" có thể hành nghề, rồi nhiều vụ sản xuất và lưu hành thuốc giả... Đã có nhiều ý kiến bày tỏ mong muốn Nhà nước quay trở lại "bao cấp", cụu mang và quản lý 2 ngành y tế và giáo dục.

Chính sách về nhà ở và trật tự hệ phố giúp cho việc bảo đảm an ninh và phát triển đô thị. Đương nhiên bên cạnh việc quản lý chặt chẽ và duy trì đều đặn các hình thức kiểm soát sự vi phạm pháp luật là việc nhà nước phải có những phương án *giải quyết ở cấp vi mô vấn đề ở cho nhân dân thủ đô, vấn đề việc làm cho thanh niên* thì mới hy vọng hai chính sách này phát huy tác dụng tốt.

b) *Những dự định của các hộ gia đình trí thức cho bản thân và cho con cái phản ánh những kiếm tìm, trăn trở và cả những pháp phông, âu lo của họ.*

Cũng giống như các tầng lớp khác trong xã hội, có gần 1/2 (49,2%) các gia đình trí thức trả lời họ không có dự định gì cho nghề nghiệp của bản thân và của gia đình trong 2 năm tới. Đương nhiên là dễ hiểu, vì việc này chỉ có thể có được trong xã hội phát triển ổn định, còn trong hoàn cảnh xã hội như ở ta hiện nay, dự tính trước cho tương lai là một việc hoàn toàn khó, nếu không nói là ảo tưởng.

19% các gia đình muốn tìm nghề phụ (chỉ thấp hơn tỷ lệ này ở công nhân) và ngang với dự định "nâng cao trình độ chuyên môn". Tỷ lệ các gia đình "muốn làm việc với nước ngoài" cao nhất so với các nhóm nghề nghiệp khác (8,7%). Điều này xuất phát từ khả năng của họ (trình độ chuyên môn, ngoại ngữ...). Có nhiều gia đình giải thích là muốn làm việc với người nước ngoài, nhưng không phải ở môi trường trong nước mà là ở ngoài nước. 6,3% muốn chuyển nghề, chuyển cơ quan cũng phần nào bao hàm dự tính đi nước ngoài (chủ yếu là đi xuất khẩu lao động). Liệu đây có phải là con đường "thoát" cho trí thức không? Và ngay cả dự định "nâng cao trình độ chuyên môn" dù tỷ lệ vượt rất xa các nhóm khác, 19% (so với công nhân là 2,6%, viên chức 6,4%, ngoài quốc doanh 1,2% , quốc doanh và ngoài quốc doanh 1,7%...) vốn được coi là dự định mang "màu sắc trí thức" nhất - trong giai đoạn này, cũng đã không còn được hiểu đơn thuần chỉ là việc nâng cao trình độ học vấn và chuyên môn, nó mang thêm nội dung kinh tế nữa. Đã có không ít trường hợp các nghiên cứu sinh, sinh viên khi kết thúc khóa học ở nước ngoài đã ở lại từ 2 đến nhiều năm với mục đích kiếm tiền. Phải chăng việc kiếm sống ở nước ngoài "sang trọng" hơn, giữ được uy tín xã hội cho người trí thức giữa các đồng nghiệp của họ hơn?

Kết quả cuộc khảo sát cho thấy có 76% gia đình mong muốn cho con vào Đại học. Đây là tỷ lệ cao nhất so với các nhóm khác. Cũng là điều dễ hiểu. Các dự định khác có tỷ lệ xếp theo thứ tự như sau:

26% hộ "hy vọng nhà nước bảo đảm việc làm cho con cái".

16% hộ muốn con phải vào biên chế nhà nước.

10% hộ muốn con nối nghiệp bố mẹ.

Tính chất truyền thống và phần nào khép kín về phương diện gia đình và xã hội của trí thức nói chung sẽ rõ hơn khi phân tích những dự tính của họ trong việc chuyển giao nghề nghiệp và văn hóa cho con cái. Cũng với xu hướng hôn nhân có tính chất đồng nhất về mặt xã hội của những cặp vợ chồng có học vấn cao là *sự cố gắng* của các gia đình trí thức nhằm động viên con cái mình lại đi vào những hoạt động trí thức. Một điều tra ở Hungari trước đây cho thấy, khả năng cho một em bé từ 1 gia đình trí thức lại thuộc vào giới trí thức cao hơn 5 lần so với khả năng một em bé con một công nhân có trình độ chuyên môn cao và 20 lần so với một em bé con 1 công nhân chưa được đào tạo. Mong muốn cho con cái vào đại học là điều có thể làm được đối với đa số các gia đình trí thức vì con cái của họ từ nhỏ đã tiếp xúc với không gian giao tiếp của bố mẹ (đến 80 - 90% đồng nghiệp của bố mẹ cũng là trí thức). Như vậy, tự chúng cũng đã ham học hơn, và chúng cũng bị bố mẹ ép phải học.

Chúng tôi không cho rằng, chỉ có 10% các gia đình trí thức "muốn cho con nối nghiệp cha mẹ" là sự phản ánh tâm trạng thất vọng, không tin vào các giá trị xã hội và uy tín nghề nghiệp mà họ theo đuổi (so sánh tỷ lệ này với con số 76% gia đình muốn con học đại học - là cơ sở để con cái họ lại trở thành trí thức, và chỉ có 6% (3/50 người) muốn cho con học một nghề để đi làm ngay).

Mong muốn được bố trí đúng việc làm phù hợp với tri thức được đào tạo chính là đòi hỏi của giới trí thức về mô hình một nhà nước có khả năng đào tạo và sử dụng trí thức ở mức độ tập trung và có hiệu quả. Có một chút phân biệt: đào tạo và sử dụng chất xám trên qui mô toàn quốc không phải là sự bao cấp. Cũng như việc xây dựng và phát triển một nền văn hóa - mà cơ sở của nó là trình độ dân trí cao - lẽ nào không phải là một "quốc gia đại sự". Rất dễ nhận thấy một cái gì đó vô lý và bất ổn trong cơ chế sử dụng, bồi dưỡng đào tạo và đãi ngộ trí thức nói chung và tài năng nói riêng. Vấn đề có tính chất cơ bản trong chiến lược con người là giúp cho đội ngũ trí thức tìm thấy chỗ đứng của mình ngay trong lòng đất nước này, làm sao cho họ không bị phân hóa bởi thói đồ kỵ, ghen ghét hay bị uy hiếp bởi tệ tham nhũng, bè phái. Người trí thức có lẽ không hy vọng gì nhiều vào việc có thể trang bị học vấn cho bản thân bằng con đường du học tự túc. Nó đang còn xa lạ với khả năng kinh tế quá mỏng manh của tất cả chúng ta nói chung, và trí thức nói riêng. Mong muốn "nhà nước bảo đảm việc làm" cho người trí thức có học vấn cao, vì thế, có lẽ không chỉ đơn giản được hiểu là việc phải xếp đặt biên chế nhà nước (với các chế độ tem phiếu như trước đây), nó bao hàm nội dung tổ chức để đào tạo và sử dụng chất xám ở cấp vĩ mô. Mong muốn này, theo chúng tôi, là chính đáng. Cùng với các chính sách đổi mới nhằm phát triển kinh tế phồn thịnh, chiến lược đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng chất xám như thế nào sẽ góp phần quyết định vào việc phát triển toàn diện con người trong một môi trường văn hóa bình đẳng - nhằm tạo lập gương mặt văn hóa của một quốc gia có khả năng hòa nhập vào sự phát triển chung của thế giới.

Sau cùng, tôi vẫn nghĩ đến việc phải có một nghiên cứu riêng về trí thức, về vai trò của họ trong quá trình giải thể những chuẩn mực, những giá trị văn hóa cũ và hình thành xã hội mới với một bản sắc riêng. Vấn đề là *người trí thức đã thích ứng* như thế nào trong hoàn cảnh xã hội như hiện nay, khi các điều kiện của chế độ kinh tế - chính trị đã thay đổi, các khuôn mẫu, mô hình cũ đã không chỉ thoả mãn được các nhu cầu, mà cũng không đem lại cho họ khả năng hòa nhập vào hoạt động chung của cộng đồng. Quá trình thích ứng tất

nhiên mang một số yếu tố như nhận thức, hiểu biết hoàn cảnh mới, sự học tập những khuôn mẫu và phương thức hành động mới...

Sơ lược, có thể thấy ít nhất 2 *trình độ khác nhau* của quá trình thích ứng của người trí thức với xã hội hiện nay. Thứ nhất, đó là *những chuyển biến tâm lý*, việc sử dụng những quan niệm tương ứng với những tiêu chuẩn và khuôn mẫu hành vi được công nhận trong hoàn cảnh mới. Người trí thức hiểu rằng, phải hành động như thế nào, xử sự ra sao, nhưng trong ý thức thì không thừa nhận - nên thái độ của những người này là vừa *khoan nhượng* với cái mới, vừa *giữ lấy* cái xưa cũ. Thứ hai ta thường gặp nhiều hơn là *thích ứng kiểu điều hòa* (accommodation) của những trí thức vừa *thừa nhận* hệ thống giá trị cơ bản của hoàn cảnh mới, vừa *chấp nhận* những phương thức hành động của những người đã thích ứng hoàn toàn với hoàn cảnh mới đó (sự thích ứng hoàn toàn - assimilation - không thừa nhận những khuôn mẫu và giá trị cũ). *Thái độ điều hòa của đa số trí thức hiện nay là một trong những phương pháp giải quyết các xung đột xã hội*. Nó khắc phục những rối loạn cá tính, những hiện tượng tiêu cực của cá nhân và phần nào cả những rối loạn của nhóm.

Trên tinh thần đó, các nghiên cứu sâu có thể tìm hiểu trí thức qua một số vấn đề sau:

- + Quá trình thích ứng với những hoàn cảnh và chuyển đổi xã hội khác nhau.
- + Điều kiện để thích ứng và những yếu tố qui định quá trình thích ứng.
- + Trình độ, thời gian thích ứng và các hậu quả xã hội của nó.

Tất nhiên, để làm những nghiên cứu này, đầu tiên phải trở lại việc làm sáng tỏ và thống nhất một số khái niệm cơ bản - sự thích ứng, sự hợp tác, xung đột, rối loạn và điều hoà xã hội... và ngay cả khái niệm trí thức nữa.